

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 523/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2025

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh .

2. Bà Lê Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 0323/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hữu L, sinh ngày 23/3/1973 (có yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh ngày 28/9/1973 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: 2 N, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Hữu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Thị S tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 23/02/1998 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, cả hai bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông L yêu cầu Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông Phạm Hữu L tự khai có 02 con chung là Phạm Nguyễn Như Q, sinh ngày 13/4/2001 (đã thành niên) và Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 13/4/2018. Ông L đồng ý giao con Phạm Nguyễn Quỳnh A cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng 15.000.000 đồng/tháng. Ông L có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Hữu L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà Nguyễn Thị S thống nhất với lời khai của ông Phạm Hữu L về con chung, tài sản chung và nợ chung. Về quan hệ hôn nhân bà S cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông L không đến mức trầm trọng, vẫn còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Bà S yêu cầu ly thân 03 năm sau đó sẽ đồng ý ly hôn, trong trường hợp ông L hỗ trợ 1.000.000.000 đồng thì bà S đồng ý ly hôn và cùng hai con tìm nơi ở mới ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn ông Phạm Hữu L yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị S hiện đang cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn:

Ông Phạm Hữu L có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án, căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 23/02/1998 của Ủy ban nhân dân Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Thị S là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ mọi việc trong cuộc sống nhưng cuộc sống vợ chồng giữa ông L và bà S không còn sự chia sẻ lẫn nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Mặt khác, tình cảm của ông L dành cho bà S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của ông L để ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 93/2001 ngày 20/4/2001 và Giấy khai sinh số 79 ngày 27/4/2018 của Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông L và bà S có 02 người con là Phạm Nguyễn Như Q, sinh ngày 13/4/2001 (đã thành niên) và Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 13/4/2018.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nguyễn Quỳnh A của bà Nguyễn Thị S. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thương yêu con, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Ngoài ra, cha mẹ còn có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Bên cạnh đó, trẻ Phạm Nguyễn Quỳnh A cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao trẻ Quỳnh A cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Ghi nhận việc ông Phạm Hữu L tự nguyện cấp nuôi trẻ Quỳnh A là 15.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị S tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Ông Phạm Hữu L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 228; Điều 264, Điều 267; Điều 271; và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Thị S.

1.2 Về con chung: Ông Phạm Hữu L và bà Nguyễn Thị S có 02 người con là Phạm Nguyễn Như Q, sinh ngày 13/4/2001 (đã thành niên) và Phạm Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 13/4/2018.

Giao trẻ Phạm Nguyễn Quỳnh A cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ghi nhận việc ông Phạm Hữu L tự nguyện cấp nuôi trẻ Quỳnh A là 15.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ 25/6/2025.

Quyền và nghĩa vụ của ông L và bà S đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Tòa án:

- Ông Phạm Hữu L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn đồng).

- Ông Phạm Hữu L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0055464 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- UBND Phường E, quận P, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh